

Bản án: 263/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 10 - 2018

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi.

2. Ông Lý Văn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1033/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 329/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị G, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh M, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Hai bên đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 9 năm 2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị G trình bày: Chị G và M chung sống với nhau vào năm 2009, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau nên ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 9 năm 2016 về chung sống lại và sau đó lại tiếp tục ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với M.

Về con chung: Có 03 con chung tên Y, sinh ngày 03/9/2010; T, sinh ngày 15/9/2016 hiện chị G đang nuôi và N, sinh ngày 24/4/2014 hiện M đang nuôi. Khi ly hôn, chị G xin được quyền nuôi 02 con chung tên Y, T và đồng ý giao con chung tên N cho M nuôi. Không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh M: M xác nhận lời trình bày của chị G về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa M và chị G theo chị G trình bày là đúng.

Nay chị G xin ly hôn, M không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con.

Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn,

Về con chung: Có 03 con chung tên Y, sinh ngày 03/9/2010; T, sinh ngày 15/9/2016 hiện chị G đang nuôi và N, sinh ngày 24/4/2014 hiện M đang nuôi. Khi ly hôn, M xin được quyền tiếp tục nuôi con chung tên N và đồng ý giao con chung tên Y, T cho chị G tiếp tục nuôi. Không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn anh M có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh M chung sống với nhau vào năm 2009, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và M là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị G và M chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau nên ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 9 năm 2016 về chung sống lại và sau đó lại tiếp tục ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay, dù hai bên đã cố gắng hàn gắn kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị G và M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, chị G yêu cầu xin được xin ly hôn với M là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị G và M thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 03 con chung tên Y, sinh ngày 03/9/2010; T, sinh ngày 15/9/2016 hiện chị G đang nuôi và N, sinh ngày 24/4/2014 hiện M đang nuôi. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn, về con chung chị G và M thống nhất thỏa thuận: Chị G được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Y, sinh ngày 03/9/2010; T, sinh ngày 15/9/2016 hiện chị G đang nuôi. M được quyền tiếp tục nuôi con chung tên N, sinh ngày 24/4/2014 hiện M đang nuôi. Không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận giữa chị G và M về việc nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị G và anh M thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị G và anh M thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G xin ly hôn với anh M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị G được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị G được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Y, sinh ngày 03/9/2010; T, sinh ngày 15/9/2016 hiện chị G đang nuôi. M được quyền tiếp tục nuôi con chung tên N, sinh ngày 24/4/2014 hiện M đang nuôi. Không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, cả chị G và M đều có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Cả chị G và M đều có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Chị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 3271 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Chị G đã thi hành xong.

Án này là sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã Đ
- Lưu VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp